

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2025

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Nghị
Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L năm 1967 (Có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T năm 1973 (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc T1 tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Được gia đình hai bên chấp nhận nên tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UB, huyện T 02/02/1999. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T2 xuyên gây gổ, bạo lực tinh thần do ghen tuông, đánh đập bà. Nay tình cảm vợ

chồng không còn yêu thương nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 7/2024 đến nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M(giới tính: Nam), sinh ngày 19/10/1999 và Nguyễn Ngọc Mai C(giới tính: Nữ), sinh ngày 03/11/2007. Con chung Nguyễn Ngọc M1 trưởng thành bà không yêu cầu Toà giải quyết về con chung này. Còn con chung Nguyễn Ngọc M2 C hiện đang sống với vợ chồng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Mai C1 trưởng thành, không yêu cầu ông T1 cấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T3 mặt không rõ lý do.

Về các thủ tục giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc về việc bà L xin ly hôn, nhưng ông Nguyễn Ngọc T1 đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm của ông T về những nội dung bà L yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Ngọc T4 được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T5 Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1, cho bà Nguyễn Thị L1 được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T5 Về con chung: Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/10/1999 đã trưởng thành, không xem xét. Giao con chung Nguyễn Ngọc Mai C, sinh ngày 03/11/2007 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà L không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227, 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc T6 đăng ký kết hôn tại UB, huyện T vào ngày 02/02/1999 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân theo bà L: Vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T2 xuyên gây gổ, bạo lực tinh thần, ghen tuông đánh đập bà nên từ tháng 7/2024 đến nay vợ chồng cắt đứt quan hệ không ai còn quan tâm đến nhau. Bà L2 thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được nên bà L3 cầu được ly hôn ông T

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 25/11/2024 của Công an xã B ông T7 sinh sống tại địa phương; biên bản xác minh ngày 28/02/2025 của UB, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của bà Lông T8 địa phương không nắm được. Việc ông T9 đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ ông T không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa bà Lông T10 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc bà L3 cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T11 có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L8 ly hôn ông T5

[3] Về con chung: Bà L9 ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M(giới tính: Nam), sinh ngày 19/10/1999 và Nguyễn Ngọc Mai C(giới tính: Nữ), sinh ngày 03/11/2007 hiện đang học lớp 12 trường THPT Q, T5 Con chung Nguyễn Ngọc M1 trưởng thành nên Toà không xem xét. Về con chung Nguyễn Ngọc Mai C2 đang sống với vợ chồng bà, ông T9 quan tâm, không có trách nhiệm gì với con. Ly hôn cháu C3 nguyện vọng ở với mẹ (bà L4 vậy giao cháu C4 bà L5 dưỡng, bà L6 trách nhiệm tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc Mai C1 trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp D nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà L7 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L1 không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị L1 phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005781 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tại phiên toà là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L1.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L8 ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1
3. Về con chung: Nguyễn Ngọc M, (giới tính: Nam), sinh ngày 19/10/1999 đã trưởng thành không xem xét.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Mai C (giới tính: Nữ), sinh ngày 03/11/2007 cho bà Nguyễn Thị L1 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L1 không yêu cầu nên miễn xét.

Ông Nguyễn Ngọc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L9 ông Nguyễn Ngọc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005781 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Bà L đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Thị Minh Trí